

Số: /TB-ĐHBK-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2026

Căn cứ QĐ số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ" và quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh số 113/QĐ-ĐHQG;

Căn cứ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Trường ĐHBK xin trân trọng thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 như sau:

1. Điều kiện tuyển sinh

1.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.2. Điều kiện văn bằng

– Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

– Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

– Có năng lực ngoại ngữ được trình bày ở Phụ lục 1.

1.3. Bài luận về hướng nghiên cứu

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu.

Bài luận được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4.

1.4. Cán bộ hướng dẫn

- Được giảng viên của Trường ĐHBK đồng ý hướng dẫn chính.
- Người hướng dẫn độc lập có chức danh phó giáo sư trở lên hay học vị tiến sĩ khoa học hoặc hai nhà khoa học có học vị tiến sĩ đồng hướng dẫn.
- Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh, người có chức danh phó giáo sư/ tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh, người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18/12/2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.5. Xét tuyển Dự bị tiến sĩ

Người dự tuyển chưa đáp ứng các quy định về bài báo, ngoại ngữ của xét tuyển trình độ tiến sĩ có thể nộp hồ sơ đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định để được xét tuyển trình độ tiến sĩ.

Người học không được tích lũy chương trình trình độ tiến sĩ.

2. Hồ sơ dự tuyển, thời gian xét tuyển, lệ phí dự tuyển

2.1. Số đợt, thời gian tuyển sinh: 04 đợt. Thời hạn đăng ký:

- Đợt 1: 31/03/2026.
- Đợt 2: 30/06/2026.
- Đợt 3: 15/08/2026.
- Đợt 4: 30/10/2026.

2.2. Hồ sơ dự tuyển:

- Ứng viên đăng ký tại Cổng tuyển sinh của Trường:
<https://mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh>
- Danh mục hồ sơ dự tuyển:
 - + Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.
 - + Văn bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học/ Phụ lục văn bằng.
 - + Văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ, Bảng điểm cao học/ Phụ lục văn bằng.

Nếu văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ ở nước ngoài phải có bản dịch thuật sang tiếng Việt và có giấy chứng nhận của “Cục quản lý chất lượng”.

 - + Bảng điểm các môn học bổ túc kiến thức (nếu có).
 - + Phiếu đăng ký dự tuyển (in từ hệ thống), Lý lịch cá nhân (có xác nhận của địa phương/cơ quan công tác/phòng công chứng), Phiếu khám sức khỏe;
 - + Bài luận về hướng nghiên cứu (có chữ ký xác nhận của người hướng dẫn).

- + Minh chứng công trình, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu;
 - + Giấy cam kết thực hiện quy định học tập – nghiên cứu của NCS;
 - + 02 Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
 - + Giấy chấp thuận đào tạo NCS của cán bộ dự kiến hướng dẫn NCS (theo mẫu) (nếu có)
- Ghi chú: ứng viên đăng ký xét tuyển Dự bị tiến sĩ không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ, bài báo khoa học.
- Nơi nhận hồ sơ: ứng viên tải toàn bộ hồ sơ đăng ký lên hệ thống hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Đào tạo (phòng 112 nhà A5), trường Đại học Bách khoa, 268 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Lệ phí xét tuyển:

- Xét tuyển trình độ tiến sĩ: 2.000.000 đồng/ hồ sơ
- Xét tuyển Dự bị tiến sĩ: 800.000 đồng/ hồ sơ

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

3.1. Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ (3 năm) và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học (4 năm).

3.2. Học phí: Nghiên cứu sinh, dự bị tiến sĩ sẽ đóng học phí theo học kỳ, mức thu (dự kiến) năm học 2026-2027 là 63.000.000 đồng/năm học (Sáu mươi ba triệu đồng chẵn).

4. Quy định khác

Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu vào trình độ tiến sĩ được trình bày ở Phụ lục 1.

Danh mục ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 2.

Tiêu chí đánh giá xét tuyển trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 3.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thông tin trên Web;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

PHỤ LỤC 1
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

(Kèm thông báo số: /TB-ĐHBK-ĐT ngày tháng năm 2026)
(Cập nhật theo Quyết định 21/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 (tương đương B1 theo CEFR) đối với trình độ thạc sĩ; đạt tối thiểu đạt bậc 4/6 (tương đương B2 theo CEFR) đối với trình độ tiến sĩ trong thời hạn 02 năm từ ngày tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép/công nhận.

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

1. Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (không sử dụng chứng chỉ Home Edition)	TOEIC (04 kỹ năng quốc tế)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)
Bậc 3	4.5	460 ITP 40 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140 B1 Linguaskill: 140	B1 (General)
Bậc 4	5.5	46 iBT		B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160 B2 Linguaskill: 160	B2 (General)

2. Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	DELFB1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N4 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 4	TPKI-2	DEL F B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4, ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N3 NAT-TEST2Q(100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

II. Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của ĐHQG-HCM

1. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1	Educational Testing Service (ETS)		x	x		
2	British Council (BC)	x				x
3	International Development Program (IDP)	x				
4	Cambridge ESOL	x			x	

Hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố (còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển):

- Pearson English International Certificate (PEIC): Bậc 3 (Level 2). Theo QĐ 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024

- Pearson Test of English Academic (PTE Academic): Bậc 3 (43-58). Theo QĐ 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024.

- Versant English Placement Test (VEPT): Bậc 3 (43-66). Theo QĐ 58/QĐ-BGDĐT ngày 15/01/2026.

2. Một số ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Ngoại ngữ					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
1	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	x					
2	Bộ Giáo dục Pháp		x				
3	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			x			
4	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				x		

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Ngoại ngữ					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
5	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co., Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					x	
6	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						x

2. Các trường hợp khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các CSĐT cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM công nhận (VSTEP). Các chứng chỉ này có thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đơn vị được tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Phụ lục 2. DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2026

(Kèm thông báo số: /TB-ĐHBK-ĐT ngày tháng năm 2026)

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1.	9340101	Quản trị Kinh doanh	Quản lý công nghiệp	5
2.	9420201	Công nghệ Sinh học	Kỹ thuật hóa học	4
3.	9440214	Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý	Kỹ thuật xây dựng	1
4.	9460112	Toán Ứng dụng	Khoa học ứng dụng	5
5.	9480101	Khoa học Máy tính	Khoa học & Kỹ thuật máy tính	15
6.	9520101	Cơ Kỹ thuật	Khoa học ứng dụng	2
7.	9520103	Kỹ thuật Cơ khí	Cơ khí	6
8.	9520115	Kỹ thuật Nhiệt	Cơ khí	2
9.	9520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	Kỹ thuật giao thông	2
10.	9520201	Kỹ thuật Điện	Điện – Điện tử	4
11.	9520203	Kỹ thuật Điện tử	Điện – Điện tử	4
12.	9520208	Kỹ thuật Viễn thông	Điện – Điện tử	2
13.	9520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Điện – Điện tử	2
14.	9520301	Kỹ thuật Hóa học	Kỹ thuật hóa học	10
15.	9520309	Kỹ thuật Vật liệu	Công nghệ vật liệu	3
16.	9520320	Kỹ thuật Môi trường	Môi trường và Tài nguyên	7
17.	9520401	Vật lý kỹ thuật	Khoa học ứng dụng	3
18.	9520501	Kỹ thuật Địa chất	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí	3
19.	9520604	Kỹ thuật Dầu khí	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí	3
20.	9540101	Công nghệ Thực phẩm	Kỹ thuật hóa học	6
21.	9540204	Công nghệ Dệt, may	Cơ khí	2
22.	9580201	Kỹ thuật Xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	15
23.	9580205	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	Kỹ thuật xây dựng	3
24.	9580211	Địa Kỹ thuật Xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	5
25.	9580212	Kỹ thuật Tài nguyên nước	Kỹ thuật xây dựng	1

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
26.	9580302	Quản lý Xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	15
27.	9850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Môi trường và Tài nguyên	5
TỔNG				135

Tổng cộng có 27 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ./

Phụ lục 3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm thông báo số: /TB-ĐHBK-ĐT ngày tháng năm 2026)

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ tiến sĩ gồm 02 bước:

1. Tiểu ban chuyên môn xét sơ tuyển hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích, công trình nghiên cứu khoa học đã có của thí sinh; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về vấn đề nghiên cứu;
2. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp thí sinh để đánh giá người dự tuyển về tư chất cần có của một nghiên cứu sinh; ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính khả thi của bài luận nghiên cứu, về ý kiến nhận xét đánh giá của hai thư giới thiệu, vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển có phù hợp với ngành đào tạo, ...

Điểm được đánh giá trên thang điểm 10 gồm những tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ	1.0	
2	Khả năng ngoại ngữ	0.5	
3	Thành tích nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm chuyên môn	2.0	
4	Nhận xét về năng lực chuyên môn của các nhà khoa học	0.5	
5	Các tố chất cần có của nghiên cứu sinh (Kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu, khả năng sáng tạo, kỹ năng phân tích vấn đề, tiềm năng đối với sự tiến bộ nghề nghiệp, ...)	2.0	
6	Bài luận về hướng nghiên cứu	4.0	
	6a. Nhận xét về nội dung bài luận (thực tiễn và tính khả thi của bài luận, vấn đề dự định nghiên cứu có phù hợp với ngành đào tạo, nhận xét đánh giá của thư giới thiệu, ...)	2	
	6b. Trình độ chuyên môn của thí sinh thể hiện qua trình bày bài luận, trả lời câu hỏi về đề cương và câu hỏi kiểm tra kiến thức ngành	2	
7	Tổng điểm đánh giá (thang điểm 10)		